

ĐẠI CHÁNH TÂN TU ĐẠI TẠNG KINH
---o0o---

QUÁN DI-LẶC BỒ TÁT HẠ SINH KINH



Ebook bởi Nguyên Ngôn Đoàn Thoại
nam84000.org



ĐẠI CHÁNH TÂN TU ĐẠI TẠNG KINH

Số hiệu 453

PHẬT THUYẾT

KINH QUÁN DI LẶC BỒ TÁT HẠ SINH

(Các tên gọi khác: Kinh Di Lặc hạ sinh kinh, Di Lặc đương lai hạ sinh kinh.
Đây là một trong số ít bản kinh gốc Phạn ngữ bảo tồn được cho đến ngày nay)

Hán dịch: Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch đời Tây Tấn, năm 303

Việt dịch: Thích Nữ Như Phúc

Ebook bởi *Nguyễn Ngôn Đoàn Thoại* | namo84000.org

---o0o---

Như vậy tôi nghe:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-Cô-Độc, rừng Kỳ-Đà, nước Xá-Vệ, cùng 1.500 đại chúng Tỳ-kheo. Lúc bấy giờ tôn giả A-nan sửa y về vai phải, gối phải quỳ sát đất, bạch đức Thế Tôn:

– Đức Như Lai quán sát thật sâu xa, uyên áo, không việc gì mà Ngài không soi xét, cả ba đời quá khứ, tương lai hay hiện tại Ngài đều biết rõ. Danh hiệu, tên họ của chư Phật cùng chúng Bồ-tát, Thanh văn từ thời quá khứ theo tùy tùng nhiều hay ít Ngài đều biết rõ. Dầu là một kiếp, trăm kiếp hoặc vô số kiếp Ngài đều quán sát và biết rõ như vậy. Ngài phân biệt rõ ràng tên họ của từng vua, quan, nhân dân, như cõi nước hiện tại này có bao nhiêu người Ngài đều biết rõ. Kính bạch đức Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác, chúng con muốn nghe sự giáo hóa, xuất hiện của Phật Di Lặc nơi thời tương lai lâu xa cùng chúng đệ tử theo Phật về cõi nước an vui sung mãn trải qua thời gian bao lâu?

Đức Phật bảo A-nan:

– Thầy hãy trở về chỗ ngồi, lắng nghe Ta nói và khéo suy nghĩ, ghi nhớ về sự xuất hiện của Phật Di Lặc và cõi nước giàu có, an vui cùng chúng đệ tử nhiều hay ít.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, trở lại chỗ ngồi. Đức Phật bảo A-nan:

– Thời tương lai lâu xa, nơi cõi nước này sẽ có thành quách tên Sí-đầu, Đông Tây 12 do-tuần, Nam Bắc 7 do-tuần, đất đai phì nhiêu, nhân dân hùng cường giàu có và nhiều đường sá. Trong thành có Long vương tên Thủy Quang, ban đêm tuôn những chất thơm thấm nhuần, ban ngày thì làm ôn hòa trong mát. Trong thành Sí-đầu có quý La-sát tên Diệp Hoa, hành động thuận với chánh pháp, không trái chánh giáo. Sau khi mọi người ngủ say thì vị này đi trừ bỏ những vật nhơ uế bất tịnh và dùng nước thơm rưới trên đất, cực kỳ sạch sẽ thơm tho.

A-nan nên biết! Đất ở Diêm Phù Đề lúc ấy các phương Đông Tây Nam Bắc rộng 10.000 do-tuần. Các núi, sông, vách đá đều tự tiêu diệt. Nước ở 4 biển cả đều chiếm cứ một phương. Mặt đất ở Diêm Phù Đề cực kỳ bằng phẳng như tấm gương sáng sạch. Đất khắp Diêm Phù Đề đều có thực phẩm, ngũ cốc trù phú, tốt tươi. Nhân dân phồn thịnh, châu báu thật nhiều, làng mạc thôn xóm gần nhau, cùng nghe tiếng gà gáy. Bao nhiêu hoa quả, cây cối khô cằn hay những vật dơ xấu đều tự tiêu diệt. Những cây ngon quả ngọt, thơm ngon tươi tốt nhất thì sanh ra khắp mặt đất. Khí hậu ôn hòa, thời tiết thích hợp theo mùa. Con người không bị 108 bệnh, không có tham dục, sân hận, ngu si, không cần lo âu săn sóc. Nhân tâm quân bình, cùng một ý với nhau, gặp nhau vui vẻ và nói những lời hiền thiện, cùng một loại ngôn ngữ giống như người Uất-đơn-việt không khác. Nhân dân lớn hay nhỏ ở Diêm Phù Đề đều cùng một âm giọng, không có sự sai khác. Những người nam hay nữ ở cõi này khi muốn đại tiểu tiện, đất tự nhiên nứt ra, sau khi xong việc, đất khép lại như cũ.

Lúc ấy đất đai ở Diêm Phù Đề tự nhiên sanh lúa gạo vô cùng thơm ngon, không có vỏ, ăn vào không bị bệnh khổ. Những loại vàng, bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, châu châu, hổ phách rải khắp trên mặt đất mà không có ai quan tâm. Có khi họ cầm châu báu này và nói với nhau: “Con người xưa kia vì những châu báu này mà phải tàn hại nhau, bị tù đày và chịu biết bao khổ não. Vậy mà ngày nay châu báu này cũng như ngói gạch, không có ai cất giữ”. Lúc bấy giờ vương pháp xuất hiện, tên là Nhưong Khứ, dùng chánh pháp trị nước và đầy đủ bảy báu. Bảy báu đó là: kim luân bảo, tượng bảo, mã bảo, châu bảo, ngọc nữ bảo, điện binh bảo, thủ tàng bảo. Trấn giữ Diêm Phù Đề không cần đến đao trượng mà điều phục tự nhiên.

Này A-nan! Bốn kho trân bảo là:

- 1- Nước Càn-đà-việt có kho báu Y-la-bát, rất nhiều trân báu và vật quý hiếm, không thể kể hết.
- 2- Nước Di-đề-la có kho lớn lưới báu và rất nhiều trân bảo.
- 3- Nước Tu-lại-tra có kho báu lớn và nhiều trân bảo.
- 4- Nước Ba-la-nại Nhưong Khứ có kho báu lớn và rất nhiều trân bảo, không thể tính kể.

Bốn kho báu lớn này tự nhiên ứng hiện. Các vị giữ kho đến tâu vua: “Cúi xin đại vương đem những vật trong kho báu này ban bố cho những kẻ bần cùng”. Vua Nhưong Khứ được những kho báu này cũng chẳng dòm ngó chúng vì không có ý nghĩ về của cải châu báu.

Tại đất Diêm Phù, trên cây tự nhiên sanh những y phục vô cùng mềm mịn để cho mọi người mặc, như hiện nay người Uất-đơn-việt tự nhiên trên cây sanh ra y phục. Đại vương có đại thần tên Tu Phạm Ma, là vị quan được vua rất kính mến từ thuở còn niên thiếu. Vị đại thần này có tướng mạo khôi ngô, không cao, không thấp, không mập, không gầy, không trắng, không đen, không già, không trẻ. Vợ của Tu Phạm Ma tên Phạm Ma Việt, là người xinh đẹp tuyệt trần nhất trong các ngọc nữ, giống như hậu phi của thiên đế. Miệng bà nói ra có mùi thơm hoa sen và thân đầy hương chiên-đàn, 84 trạng thái mà các phụ nữ khác vĩnh viễn không bao giờ có. Bà cũng không có ý niệm hay tư tưởng cuồng loạn, tật bệnh.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-Lặc ở trời Đâu Suất quán sát cha mẹ không già, không trẻ, giáng thần ứng hiện sanh ra từ hông phải của mẹ, như Ta ngày nay cũng đã giáng sanh từ hông phải. Bồ-tát Di Lặc cũng như thế. Tất cả chư thiên cõi Đâu Suất đều ngợi ca: “Bồ-tát Di Lặc đã giáng sanh”.

Tu Phạm Ma đặt tên cho con là Di Lặc. Bồ-tát Di Lặc có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, thân màu vàng ròng vô cùng tốt đẹp. Người ở cõi này không có các hoạn nạn, tuổi thọ lâu dài. Họ sống đến 8 vạn 4 ngàn năm, con gái 500 tuổi mới lấy chồng.

Di-Lặc sống ở gia đình một thời gian ngắn thì đi xuất gia học đạo. Khi đi ra khỏi thành Sí-đầu chưa bao xa thì Ngài gặp đạo thọ tên Long Hoa cao một do-tuần, ngang 500 bộ. Bồ-tát Di Lặc ngồi dưới cội cây này thành tựu đạo quả Vô thượng. Ngay nửa đêm Bồ-tát Di Lặc xuất gia thì đạt ngay đạo quả Vô thượng. Cả 3.000 cõi đại thiên chấn động 6 cách. Các địa thần đều bảo nhau rằng: “Hôm nay Bồ-tát Di Lặc đã thành Phật đạo”. Dần dần đến cung Tứ Thiên Vương cũng nghe “Bồ-tát Di-Lặc đã thành Phật đạo” , và lan dần đến cõi trời 33, trời Đâu Suất Đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, cho đến Phạm thiên đều vang tiếng “Bồ-tát Di-Lặc đã thành Phật đạo”.

Lúc bấy giờ có ma vương tên Đại Tướng – giáo hóa trị vì ma quân bằng chánh pháp – nhờ nghe tiếng vang danh âm của Như Lai vô cùng hân hoan, phấn chấn, suốt 7 ngày đêm không ngủ nghỉ. Sau đó ma vương mang vô số thiên nhân ở cõi Dục đến chỗ Phật Di Lặc cung kính lễ bái. Thánh tôn Di Lặc cùng các thiên nhân dần dần nói về luận của pháp mâu vi diệu. Các luận đó là: Luận về bố thí, luận về giới, luận về sanh thiên, giải thoát khỏi dục tướng bất tịnh là tốt đẹp.

Đức Phật Di Lặc thấy mọi người đã hoan hỷ phát tâm, Ngài liền đem những pháp chư Phật Thế Tôn thường dạy như: khổ, tập, diệt, đạo và phân tích nghĩa lý sâu rộng cho chư thiên nhân. Lúc ấy trên tòa có 8 vạn 4 ngàn thiên tử đã sạch bụi trần, đắc pháp nhãn tịnh. Ma vương Đại Tướng

bảo mọi người ở cõi đó rằng: “Các người hãy mau xuất gia. Vì sao? – Vì Bồ-tát Di Lặc nay đã đến bờ giác ngộ và sẽ hóa độ cho các người cũng đến bờ giác ngộ”.

Trong thành Sí-đầu có trưởng giả tên Thiện Tài nghe giáo lệnh của ma vương, lại nghe âm vang của Phật nên đem 8 vạn 4 ngàn chúng đến chỗ Phật Di Lặc cung kính đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Phật Di Lặc dần dần nói pháp luận vi diệu cho đại chúng. Pháp luận đó là: luận về thí, luận về giới, luận về sanh thiên, giải thoát khỏi dục tướng bất tịnh là tốt đẹp.

Đức Phật Di Lặc thấy mọi người tâm ý được khai mở theo như pháp chú Phật Thế Tôn đã nói, Ngài giảng về khổ, tập, diệt, đạo và phân tích nghĩa rộng các pháp ấy cho mọi người. Lúc ấy 8 vạn 4 ngàn người dứt sạch bụi trần, đắc pháp nhãn tịnh. Trưởng giả Thiện Tài cùng 8 vạn 4 ngàn người đến trước đức Phật cầu xin xuất gia, khéo tu phạm hạnh, tất cả đều thành tựu đạo quả A-la-hán. Hội đầu tiên của Phật Di Lặc có 8 vạn 4 ngàn người đắc quả A-la-hán. Lúc ấy vua Nương Khứ nghe Bồ-tát Di-Lặc đã thành Phật đạo, ông muốn được nghe pháp nên vội đến chỗ Phật. Pháp đức Phật nói cho vua ban đầu thiện, giữa thiện, cuối cùng thiện và nghĩa lý rất sâu xa. Một thời gian sau, đại vương lập thái tử lên làm vua, bao vật quý báu vua cho người thợ cắt tóc rồi đem các loại châu báu ban cho các Phạm chí và dẫn 8 vạn 4 ngàn chúng đến chỗ Phật xin làm Sa-môn. Cuối cùng, họ thành tựu đạo quả, đắc đạo A-la-hán.

Đại trưởng giả Tu Phạm Ma nghe Bồ-tát Di Lặc thành Phật đạo cũng đem 8 vạn 4 ngàn chúng Phạm chí đến chỗ Phật cầu xin làm Sa-môn. tất cả đều chứng đắc A-la-hán, duy nhất có Tu Phạm Ma đoạn tận 3 kiết sử và chắc chắn chấm dứt hết khổ.

Phật mẫu Phạm Ma Việt cũng đem 8 vạn 4 ngàn chúng thể nữ đến chỗ Phật xin làm Sa-môn. Các thể nữ đều chứng đắc A-la-hán, duy nhất có Phạm Ma Việt đoạn tận 3 kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn.

Các bà dòng Sát-lợi nghe tin Phật Di Lặc xuất hiện ở thế gian, thành Đẳng chánh giác, đem cả ngàn vạn chúng đi đến chỗ Phật cung kính đánh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên. Họ phát tâm mong cầu được xuất gia học đạo, làm Sa-môn. Có người chứng đắc đến bờ giác, có người không chứng đắc. Lúc ấy, này A-Nan! Những người chưa vượt bậc để chứng đắc đều là những người phụng hành giáo pháp, nhằm chán tất cả thế gian và tu hành quán tưởng không có dục lạc. Phật Di Lặc sẽ nói giáo nghĩa Tam thừa như Ta hiện nay. Trong các đệ tử của Ta có Đại Ca Diếp

thực hành 12 hạnh Đầu-đà, như chư Phật thời quá khứ đã khéo tu phạm hạnh, người này sẽ ở bên cạnh Phật Di Lặc khuyến hóa mọi người tu tập.

Ca Diếp cách Như Lai không xa, ngồi kiết-già, thân ý chánh niệm tỉnh giác. Đức Thế Tôn bảo Ca Diếp:

– Nay Ta đã 80, tuổi đã già suy và có 4 đại Thanh văn kham nhận việc giáo hóa khắp nơi. Họ có đầy đủ phước đức và trí tuệ vô tận, đó là: Tỳ-kheo Đại Ca Diếp, Tỳ-kheo Quân-xa-bát-thán, Tỳ-kheo Tân-đầu-lô, Tỳ-kheo La-vân. Bốn Thanh văn các ông chưa được nhập Niết-bàn mà chờ đến khi giáo pháp Ta không còn, khi ấy mới được nhập Niết-bàn. Đại Ca Diếp cũng không nên nhập Niết-bàn mà cần phải đời Phật Di Lặc xuất hiện ở thế gian. Vì sao? – Vì đệ tử của Phật Di Lặc đều là đệ tử của Phật Thích Ca Văn, nhờ Ta giáo hóa chấm dứt hữu lậu. Trong thôn Tỳ Đề, cõi nước Ma Kiệt, Đại Ca Diếp cư trú trong núi đó và Di Lặc Như Lai sẽ đem vô số ngàn người lần lượt cùng nhau đến núi này. Nhờ hồng ân Phật, các quỷ thần đều mở cửa làm cho họ được thấy Ca Diếp thiên định trong hang động. Khi đó, Phật Di Lặc đưa cánh tay phải chỉ Ca Diếp và bảo mọi người: “Thời quá khứ xa xưa, đệ tử của Phật Thích Ca Văn tên Ca Diếp hiện đang tu khổ hạnh Đầu-đà tối thượng đệ nhất”. Mọi người thấy sự kiện như vậy, ngợi khen là việc chưa từng có. Có vô số trăm ngàn chúng sanh dứt sạch bụi trần, đắc pháp nhãn tịnh. Hoặc có chúng sanh được thấy thân Ca-Diếp, gọi đó là hội đầu tiên. Có 96 ức người đều đạt quả A-la-hán. Những người này đều là đệ tử của Ta. Vì sao? – Vì họ được Ta giáo hóa mới đạt kết quả này. Và nhờ bốn nhân duyên bố thí, nhân từ, mang lại lợi lạc cho hết thảy quần sanh.

Này A-nan! Di Lặc Như Lai sẽ trao Tăng-già-lê cho Ca Diếp đắp. Lúc ấy thân thể Ca Diếp chợt sáng như sao sa. Phật Di Lặc lại đem các loại hương hoa cúng dường Ca Diếp. Vì sao? – Vì chư Phật Thế Tôn có tâm tôn kính chánh pháp và Bồ-tát Di-Lặc cũng đã từng do Ta truyền trao giáo hóa chánh pháp, thành tựu đạo Vô thượng Chánh chơn.

A-nan nên biết! Hội kỳ hai của Phật Di Lặc có 94 ức người đều đắc quả A-la-hán, đều là đệ tử đã từng được Ta giáo hóa thực hành 4 sự cúng dường nên được kết quả như vậy. Hội kỳ ba của Phật Di Lặc có 92 ức người đắc quả A-la-hán, cũng là đệ tử do Ta giáo hóa. Lúc bấy giờ đệ tử của Ta là Tỳ-kheo tên Từ Thị, như Ta ngày này các Thanh văn đều xưng là đệ tử của Thích Ca. Phật Di Lặc thuyết pháp cho các đệ tử: “Này các Tỳ-kheo! Hãy nghĩ đến vô thường, tưởng vui có khổ,

tưởng ngã và vô ngã, tưởng thật có không, tưởng sự biến đổi của sắc, tưởng sự ứ dịch, tưởng về sung sướng, tưởng ăn chưa tiêu hết, tưởng về máu mủ, tưởng tất cả thế gian không an vui. Vì sao? – Nay các Tỳ-kheo! Đây là 10 tưởng mà Phật Thích Ca Văn đã dạy cho các ông, làm cho tất cả được dứt trừ tâm hữu lậu và được giải thoát. Những ai trong chúng này là đệ tử Phật Thích Ca Văn đều do thời quá khứ đã tu hành thanh tịnh nên đến cõi của Ta.

Hoặc có người ở thời Phật Thích Ca Văn cúng dường Tam bảo mà sanh đến chỗ Ta.

Hoặc có người ở chỗ Phật Thích Ca Văn tu tập thiện căn trong khoảng khảy móng tay mà sanh đến chỗ Ta.

Hoặc có người ở chỗ Phật Thích Ca Văn thực hành Tứ đẳng tâm rồi sanh đến đây.

Hoặc có người ở chỗ Phật Thích Ca Văn thọ trì 5 giới, 3 pháp tự quy nên sanh đến chỗ Ta.

Hoặc có người ở chỗ Phật Thích Ca Văn xây dựng tháp miếu nên sanh đến chỗ Ta.

Hoặc có người ở chỗ Phật Thích Ca Văn sửa sang chùa cũ nên sanh đến chỗ Ta.

Hoặc có người ở chỗ Phật Thích Ca Văn giữ 8 pháp trai giới nên sanh đến chỗ Ta.

Hoặc có người ở chỗ Phật Thích Ca Văn cúng dường hương hoa nên sanh đến đây.

Hoặc có người ở chỗ Phật Thích Ca Văn nghe pháp mà rơi lệ nên sanh đến chỗ Ta.

Hoặc có người ở chỗ Phật Thích Ca Văn nhất tâm lãnh hội giáo pháp nên sanh đến chỗ của Ta.

Hoặc có người suốt đời tu hành phạm hạnh nên sanh đến chỗ Ta.

Hoặc có người ghi chép, đọc tụng nên sanh đến chỗ Ta.

Hoặc có người phục vụ cúng dường nên sanh đến chỗ Ta.

Đức Phật Di Lặc nói kệ:

– Tăng thêm giới, văn, đức

Thiền và nghiệp tư duy

Khéo tu hạnh thanh tịnh

Nên đến chỗ của Ta

Bồ thí phát tâm vui

Tâm tu hành căn bản

Ý không nghĩ bao la

Đều đến chỗ của Ta

Biết phát tâm bình đẳng

Cúng dường các đức Phật

Cúng Thánh chúng thực phẩm

Đều đến chỗ của Ta

Hoặc tụng giới, khế kinh

Dạy cho người khô, tập

Thắp sáng chánh pháp Phật

Nay đến chỗ của Ta

Thích chúng khéo biến hóa

Cúng dường các xá-lợi

Phục vụ pháp cúng dường

Nay đến chỗ của Ta

Nếu người ghi chép kinh

Tuyên nói điều cao tột

Và cúng dường kinh điển

Đều nên đến chỗ Ta

Gắm vóc và mọi vật

Cúng dường nơi chùa tháp

Tự xưng “Nam mô Phật”

Đều nên đến chỗ Ta

Cúng dường Phật hiện tại

Cùng chư Phật quá khứ

Thiền định chánh bình đẳng

Cũng không có tăng giảm

Thế nên đối pháp Phật

Kính thờ các bậc Thánh

Chuyên tâm thờ Tam bảo

Ắt đến chỗ vô si

A-Nan nên biết! Di Lặc Như Lai ở nơi chúng đó nói bài kệ này, chư thiên, loài người trong đại chúng tư duy về 10 tướng này có 11 ức người dứt sạch bụi trần, đắc pháp nhãn tịnh. Trong 1.000 năm chúng Tăng ở cõi Phật Di Lặc không có lỗi lầm, Ngài thường dùng một bài kệ để làm giới cấm ngăn:

Miệng, ý không làm ác

Thân cũng không trái phạm

Hãy dứt ba nghiệp này

Chóng thoát đường sanh tử.

Trải qua 1.000 năm sau sẽ có người phạm giới, Phật thiết lập ra giới cấm. Di Lạc Như Lai thọ 8 vạn 4 ngàn năm. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, giáo pháp của Ngài tồn tại đến 8 vạn 4 ngàn năm. Chúng sanh lúc ấy đều lợi căn. Những người thiện nam hay thiện nữ nào muốn được gặp Phật Di-Lạc, ba hội chúng Thanh văn và thành Sí-đầu, muốn gặp vua Nhưong Khứ cùng 4 kho trân bảo lớn, muốn ăn lúa gạo ngon tự nhiên và mặc y phục tự nhiên, sau khi chết được sanh lên trời. Những người thiện nam, thiện nữ ấy không nên lười nhác mà hãy nỗ lực tinh tấn, hãy cúng dường hầu hạ các Pháp sư, cúng dường các loại vật dụng, hoa hương... chớ để thiếu sót.

Này A-nan! Hãy học và thực hành như vậy.

Tôn giả A-nan và các đại hội nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

Phật nói Kinh Quán Di Lạc Bồ Tát hạ sinh

 Hết kinh

彌勒下生經

西晉月氏三藏竺法護譯

---o0o---

聞如是。一時佛。在舍衛國祇樹給孤獨園。

與大比丘眾五百人俱。爾時阿難。偏露

右肩右膝著地白佛言。如來玄鑒無事

不察。當來過去現在三世皆悉明了。過去諸

佛姓字名號。弟子菩薩翼從多少皆悉知之。

一劫百劫若無數劫。皆悉觀察亦復如是。

國王大臣人民姓字則能分別。如今現在國

界若干亦復明了。將來久遠彌勒出現。至真

等正覺欲聞其變。弟子翼從佛境豐樂為

經幾時。佛告阿難。汝還就坐聽我所說。

彌勒出現國土豐樂弟子多少。善思念之執

在心懷。是時阿難從佛受教即還就坐。爾

時世尊告阿難曰。將來久遠於此國界

當有城郭名曰翅頭。東西十二由旬。南北

七由旬。土地豐熟人民熾盛街巷成行。爾時

城中有龍王名曰水光。夜雨香澤晝則清

和。是時翅頭城中有羅刹鬼名曰葉華。所

行順法不違正教。每向人民寢寐之後。

除去穢惡諸不淨者。常以香汁而灑其地

極為香淨。阿難當知。爾時閻浮地。東西

南北千萬由旬。諸山河石壁皆自消滅。四大

海水各減一萬。時閻浮地極為平整如鏡清明。舉閻浮地內穀食豐賤。人民熾盛多諸珍寶。諸村落相近。鷄鳴相接。是時弊華果樹枯竭穢惡亦自消滅。其餘甘美果樹香氣殊好者皆生于地。爾時時氣和適四時順節。人身之中無有百八之患。貪欲瞋恚愚癡不大慙懃。人心均平皆同一意。相見歡悅善言相向。言辭一類無有差別。如彼優單越人而無有異。是時閻浮地內人民大小皆同一向。無若干之差別也。彼時男女之類。意欲大小便時地自然開。事訖之後地便還合。爾時閻浮地內自然生粳米亦無皮裹。極為香美食無患苦。所謂金銀珍寶車璩馬瑙真珠虎珀。各散在地無人省錄。是時人民手執此寶自相謂言。昔者之人由此寶故更相傷害。繫閉在獄受無數苦惱。如今此寶與瓦石同流無人守護。爾時法王出現。名曰蟻佉。正法治化七寶成就。所謂七寶者。輪寶象寶馬寶珠寶玉女寶典兵寶守藏之寶。是謂七寶。鎮此閻浮地內。不以刀杖自然靡伏。如今阿難四珍之藏。乾陀越國。伊羅鉢寶藏。多諸珍琦異物不可稱計。第二彌梯羅國。綢羅大藏。亦多珍寶。第三須賴吒大國。有大寶藏

亦多珍寶。第四波羅[木*奈]蟻佉。有大寶藏。

多諸珍寶不可稱計。此四大藏自然應現。

諸守藏人各來白王。唯願大王以此寶藏之

物惠施貧窮。爾時蟻佉大王。得此寶已亦

復不省錄之。意無財寶之想。時閻浮地

內。自然樹上生衣。極細柔軟人取著之。如

今優單越人自然樹上生衣。而無有異。爾

時彼王有大臣名曰修梵摩。是王少小同好

王甚愛敬。又且顏貌端正不長不短不肥不

瘦。不白不黑不老不少。是時修梵摩有妻

名梵摩越。王女中最極為殊妙。如天帝

妃。口作優鉢蓮華香。身作栴檀香。諸婦人

八十四態永無復有。亦無疾病亂想之念。爾

時彌勒菩薩。於兜率天觀察父母不老不

少。便降神下應從右脇生。如我今日右脇

生無異。彌勒菩薩亦復如是。兜率諸天各

各唱令。彌勒菩薩已降神生。是時修梵摩

即與子立字。名曰彌勒。彌勒菩薩有三十

二相八十種好。莊嚴其身身黃金色。爾時人

壽極長無有諸患。皆壽八萬四千歲。女人

年五百歲然後出嫡。爾時彌勒在家未經

幾時。便當出家學道。爾時去翅頭城不

遠有道樹名曰龍花。高一由旬廣五百步。

時彌勒菩薩坐彼樹下成無上道果。當其

夜半彌勒出家。即於其夜成無上道。時
三千大千剎土六返震動。地神各各相告
曰。今時彌勒已成佛。轉至閻四天王宮。彌
勒已成佛道。轉轉聞徹三十三天。豔天。
兜率天。化自在天。他化自在天。聲聞展
轉至梵天。彌勒已成佛道。爾時魔王名大
將。以法治化。聞如來名音響之聲。歡喜踊躍
不能自勝。七日七夜不眠不寐。是時魔王
將欲界無數天人至彌勒佛所。恭敬禮拜。
彌勒聖尊與諸天人。漸漸說法微妙之論。
所謂論者。施論戒論生天之論。欲不淨想出
要為妙。爾時彌勒見諸人民已發心歡喜。
諸佛世尊常所說法。苦習盡道盡與諸天
人廣分別其義。爾時座上八萬四千天子。諸
塵垢盡得法眼淨。爾時大將魔王告彼界人
民之類曰。汝等速出家。所以然者。彌勒今
日已度彼岸。亦當度汝等使至彼岸。爾時
翅頭城中有長者名曰善財。聞魔王教令。
又聞佛音響。將八萬四千眾至彌勒佛所。
頭面禮足在一面坐。

爾時彌勒漸與說法微妙之論。所謂論者。
施論戒論生天之論。欲不淨想出要為妙。爾
時彌勒見諸人民心開意解。如諸佛世尊常
所說法。苦習盡道與諸人民廣分別

義。爾時座上八萬四千人。諸塵垢盡得法眼淨。是時善財與八萬四千人等。即前白佛。求索出家善修梵行。盡成阿羅漢道。爾時彌勒初會八萬四千人得阿羅漢。是時蟻佉王。聞彌勒已成佛道。便往至佛所欲得聞法。時彌勒佛與王說法。初善中善竟善義理深邃。爾時大王復於異時立太子為王。賜剃頭師珍寶。復以雜寶與諸梵志。將八萬四千眾往至佛所求作沙門。盡成道果得阿羅漢。是時修梵摩大長者。聞彌勒已成佛道。將八萬四千梵志之眾往至佛所求作沙門。得阿羅漢。唯修梵摩一人。斷三結使必盡苦際。是時佛母梵摩越。復將八萬四千婁女之眾往至佛所求作沙門。爾時諸女人盡得阿羅漢。唯有梵摩越一人。斷三結使成須陀洹。爾時諸剎利婦聞彌勒如來出現世間成等正覺。數千萬眾往至佛所。頭面禮足在一面坐。各各生心求作沙門出家學道。或有越次取證。或有不取證者。爾時阿難。其不越次取證者。盡是奉法之人。患厭一切世間修不可樂想。爾時彌勒當說三乘之教如我今日。弟子之中大迦葉者行十二頭陀。過去諸佛所善修梵行。此人當佐彌勒勸化

人民。

爾時迦葉去如來不遠結加趺坐。正身正意
繫念在前。爾時世尊告迦葉曰。吾今年已
衰耗向八十餘。然今如來有四大聲聞。堪任
遊化。智慧無盡眾德具足。云何為四。所謂大
迦葉比丘。屠鉢歎比丘。賓頭盧比丘。羅
云比丘。汝等四大聲聞。要不般涅槃。須吾
法沒盡。然後乃當般涅槃。大迦葉。亦不應
般涅槃。要須彌勒出現世間。所以然者。
彌勒所化弟子。盡是釋迦文弟子。由我遺
化得盡有漏。摩竭國界毘提村中。大迦葉
於彼山中住。又彌勒如來將無數千人眾。
前後圍遶往至此山中。遂蒙佛恩。諸鬼神
當與開門。使得見迦葉禪窟。是時彌勒。
申右手指示迦葉告諸人民。過去久遠釋
迦文佛弟子。名曰迦葉。今日現在頭陀苦行
最為第一。是時諸人見是事已歎未曾有。
無數百千眾生。諸塵垢盡得法眼淨。或復
有眾生見迦葉身已。此名為最初之會。九
十六億人皆得阿羅漢。斯等之人皆是我弟
子。所以然者。悉由受我訓之所致也。亦
由四事因緣惠施仁愛利人等利。爾時阿難。
彌勒如來當取迦葉僧伽梨著之。是時迦
葉身體奄然星散。是時彌勒復取種種華香

供養迦葉。所以然者。諸佛世尊有敬心於
正法故。彌勒亦由我所受正法化。得成無
上正真之道。阿難當知。彌勒佛第二會時。有
九十四億人。皆是阿羅漢。亦復是我遺教弟
子。行四事供養之所致也。又彌勒第三之
會。九十二億人。皆是阿羅漢。亦復是我遺
教弟子。爾時比丘姓號皆名慈氏弟子。如
我今日諸聲聞皆稱釋迦弟子。爾時彌勒與
諸弟子說法。汝等比丘。當思惟無常之想。
樂有苦想。計我無我想。實有空想。色變之想。
青瘀之想。臃脹之想。食不消想。膿血想。
一切世間不可樂想。所以然者。比丘當
知。此十想者。皆是過去釋迦文佛。與汝
等說。令得盡有漏心得解脫。若此眾中。
釋迦文佛弟子。過去時修於梵行。來至
我所。或復於釋迦文佛所。供養三寶。來
至我所。或於釋迦文佛所。彈指之頃修於善
本。來至此間。或於釋迦文佛所。行四等心。
來至此者。或於釋迦文佛所。受持五戒三
自歸法。來至我所。或於釋迦文佛所。起神
寺廟。來至我所。或於釋迦文佛所。補治故
寺。來至我所。或於釋迦文佛所。受八關齋
法。來至我所。或於釋迦文佛所。香華供養。
來至此者。或復於彼聞法悲泣墮淚。

來至我所。或復於釋迦文佛所。專意聽
受法。來至我所。或復盡形壽善修梵行。
來至我所。或復有書寫讀誦。來至我所。
或復承事供養。來至我所者。是時彌勒便
說此偈。

增益戒聞德	禪及思惟業
善修於梵行	而來至我所
勸施發歡心	修行心原本
意無若干想	皆來至我所
或發平等心	承事於諸佛
飯飴於聖眾	皆來至我所
或誦戒契經	善習與人說
熾然於法本	今來至我所
釋種善能化	供養諸舍利
承事法供養	今來至我所
若有書寫經	班宣於素上
其有供養經	皆來至我所
繒綵及諸物	供養於神寺
自稱南無佛	皆來至我所
供養於現在	諸佛過去者
禪定正平等	亦無有增減
是故於佛法	承事於聖眾
專心事三寶	必至無為處

阿難當知。彌勒如來在彼眾中當說此偈。

爾時彼眾中諸天人民思惟此十想。十一姦人諸塵垢盡得法眼淨。彌勒如來千歲之中。

眾僧無有瑕穢。爾時恒以一偈以為禁戒。

口意不行惡 身亦無所犯

當除此三行 速脫生死關

過千歲後當有犯戒之人遂復立戒。彌勒如來當壽八萬四千歲。般涅槃後遺法當在八萬四千歲。所以然者。爾時眾生皆是利根。其有善男子善女人。欲得見彌勒佛及三會聲聞眾及翅頭城。及見蟻佉王并四大藏珍寶者。欲食自然粳米者。并著自然衣裳。身壞命終生天上者。彼善男子善女人。當勤加精進無生懈怠。亦當供養承事諸法師。名花[打丁+鳥]香種種供養。無令有失。如是阿難。當作是學。爾時阿難及諸大會。

聞佛所說歡喜奉行。

佛說彌勒下生經

按開元錄有譯無本。中有法護譯彌勒成佛經一名彌勒當來下生經者。乍觀此經。即彼失本而還得之。其實非也。何則羅什譯彌勒成佛經目下注云。與下生經異本與法護譯彌勒成佛經同本。兩譯一闕則彼失本經。非此下生經六譯三失之一

者明矣。又按孤山智圓重校金剛般若後序云。古德分經皆用紙數者。一紙有二十五行一行十七字。今檢失本彌勒經目下注云。一十七紙則計有七千二百二十二字。此經只有三千一百七十六字。則尚未其半。豈是彼經歟。則丹藏無此經為得然此經文頗似漢晉經注又有漢云之言。還恐此是三失本中第一本錄。云今附西晉者耳。宋藏還得而編入之為得之矣。而二錄並無下生經是法護譯者。今云法護譯者何耶。伏俟賢哲。

Technical Details

- Text Version: Devanāgarī
- Input Personnel: DSBC Staff
- Input Date: 2004
- Proof Reader: Miroj Shakya
- Supplier: Nagarjuna Institute of Exact Methods
- Sponsor: University of the West
- Parallel Romanized version: Ārya maitreya-vyākaraṇam
- Source: dsbcproject.org

आर्य मैत्रेय व्याकरणं	ārya maitreya-vyākaraṇam
नमः आर्यमैत्रेयाय।	namaḥ āryamaitreyāya
शारिपुत्रो महाप्रज्ञः धर्मसेनापतिबिभुः।	śāripuro mahāprajñāḥ dharmasenāpatibibhuḥ
लोकानामनुकम्पाय शास्तरं पर्यपृच्छत ॥१॥	lokānāmanukampāya śāstāraṃ paryapṛcchata 1
सूत्रान्तरे पुराऽख्यातं यं लोकनायकस्य च।	sūtrāntare purā'khyātaṃ yaṃ lokanāyakasya ca
बुद्धस्यानागतस्य हि मैत्रेयनाम शासनं ॥२॥	buddhasyānāgatasya hi maitreya-nāma śāsanam 2
व्याख्याहि तद्वलं चापि ऋद्धिं सर्वार्थवर्धनं।	vyākhyāhi tadvalaṃ cāpi ṛddhiṃ sarvārthavardhanam
श्रोतुमिच्छाम एव च नायकस्य नरोत्तम ॥३॥	śrotumicchāma eva ca nāyakasya narottama 3
तच्छ्रुत्वा भगवानाह शृणु नरवरस्य त्वं।	tacchrutvā bhagavānāha śṛṇu naravarasya tvam
तस्य मैत्रेयबुद्धस्य विभवं व्याकृतं मया ॥४॥	tasya maitreyabuddhasya vibhavaṃ vyākṛtaṃ mayā 4
शुक्ष्यन्ति च तदार्नवाः समन्तात् बहुयोजनाः।	śuksyanti ca tadārnavaḥ samantāt bahuyojanāḥ
प्रतिपाद्या भविष्यन्ति मार्गाश्च चक्रवर्तिनः ॥५॥	pratipādyā bhaviṣyanti mārgāśca cakravartinaḥ 5
जम्बुद्वीपं समन्ततः आयतनं तदाहि च।	jambudvīpaṃ samantataḥ āyatanam tadāhi ca
आवासं सर्वभूतानां दशसहस्रयोजनम् ॥६॥	āvāsaṃ sarvabhūtānāṃ daśasahasrayojanam 6
नरास्तद्देशिकाश्च हि भविष्यन्ति शुभङ्कराः।	narāstaddēśikāśca hi bhaviṣyanti śubhaṅkarāḥ
अहिंसकाश्च निर्दण्ड्याः सुसमृद्धाश्च सुभगाः ॥७॥	ahiṃsakāśca nirdaṇḍyāḥ susamṛddhāśca subhagāḥ 7
निष्कण्टकश्च भूस्थलं समतलं हि श्यामलं।	niṣkaṅṭakaśca bhūsthalam samatalam hi śyāmalam
उन्नमावनमश्रितं मृदुतूलऽपिचोपमं ॥८॥	unnamāvanamaśritaṃ mṛdutūla'picopamaṃ 8
गन्धशालि जनिष्यते कृष्टिमृते च मधुरं।	gandhaśāli janiṣyate kṛṣṭimṛte ca madhuraṃ
नानावर्णाभिलङ्कृता भविष्यन्ति चैलद्रुमाः ॥९॥	nānāvāṛṇābhilaṅkṛtā bhaviṣyanti cailadrumāḥ 9
	drumāśca krośavistṛtā patrapuṣpaphalānatāḥ

द्रुमाश्च क्रोशविस्तृता पत्रपुष्पफलानताः ।
 सहस्राशीतिमात्रश्च आयुस्तदा भविष्यति ॥१० ॥
 वर्णवन्तः भविष्यन्ति बलवन्तो महाकायाः ।
 सत्त्वाः दक्षाश्च निष्कलेशा निर्दोषा दिर्घजीविनः ॥११ ॥
 रोगत्रयं भविष्यति कामोजराऽग्निमान्द्यञ्च ।
 पञ्चशततमे वर्षे परिणीता च दारिका ॥१२ ॥
 तदा केतुमती नाम पुरी तत्र भविष्यति ।
 सत्त्वानाञ्च निवासनं प्राणिनां हितकारिणां ॥१३ ॥
 दीर्घा द्वादशयौजन सप्त विस्तारशो ह्यसौ ।
 नगरं पुण्यवच्च तत् विशुद्धञ्च मनोरमं ॥१४ ॥
 सप्तरत्नमयाः प्रांशुप्राकाराः क्रोशविस्तृताः ।
 नानारत्नविभूषितगोपुर-तोरणान्यपि ॥१५ ॥
 इष्टकैर्निमिताश्च ते रत्नमयैर्भविष्यन्ति ।
 पद्मोत्पलसमाच्छनाः परिखा हंसशोभिता ॥१६ ॥
 मालैर्हि परिवेष्टितं सप्ततालैस्ममन्ततः ।
 चतूरत्नमयास्तालाः किङ्किनीजालशोभिताः ॥१७ ॥
 तत्तालेभ्योनिजाज्जातः शब्दश्चैव मनोरमः ।
 सुमधुरो यथा तूर्यं तच्च पञ्चाङ्ग-संयुतं ॥१८ ॥
 नगरेऽस्मिन् नराश्च ये विश्रामसुखकामिनः ।
 प्रहृष्टाभिरभिष्यन्ते तालशब्दैश्च ते तदा ॥१९ ॥
 नगरमपि तत्कृतमुत्पलकुमुदाकीर्णं ।
 तडागोपवनोद्यानं त्रयमेतद्भविष्यति ॥२० ॥
 शङ्खोनाम नृपस्तत्र महातेजा भविष्यति ।
 चतुर्द्वीर्पाधिपेश्वरश्चक्रवर्ती महाबलः ॥२१ ॥
 सप्तरत्नसमन्वितश्चतुरङ्गबलाधिपः ।
 सहस्रं हि जनिष्यन्ते पुत्रास्तदास्य भूपतेः ॥२२ ॥

sahasrāśītimātraśca āyustadā bhaviṣyati||10||
 varṇavantaḥ bhaviṣyanti balavanto mahākāyāḥ|
 sattvāḥ dakṣāśca niṣkleśā nirdoṣā dirghajīvināḥ||11||
 rogatrayaṃ bhaviṣyati kāmōjarā'gnimāndyañca|
 pañcaśatatame varṣe pariṇītā ca dārikā||12||
 tadā ketumatī nāma purī tatra bhaviṣyati|
 sattvānāñca nivāsanam prāṇinām hitakāriṇām||13||
 dīrghā dvādaśayaujana sapta vistāraśo hyasau|
 nagaram puṇyavacca tat viśuddhañca
 manoramam||14||
 saptaratnamayāḥ prāṃśuprākārāḥ krośavistrṭāḥ|
 nānāratnavibhūṣitagopura-toraṇānyapi||15||
 iṣṭakairnimitāśca te ratnamayairbhaviṣyanti|
 padmotpalasamācchanāḥ parikhā haṃsaśobhitā||16||
 mālairhi pariveṣṭitam saptatālaismamantataḥ|
 catūratnamayāstālāḥ kiṅkinījālaśobhitāḥ||17||
 tattālebhyonilājātaḥ śabdaścaiva manoramah|
 sumadhuro yathā tūryam tacca pañcānga-
 saṃyutam||18||
 nagare'smin narāśca ye viśrāmasukhakāmināḥ|
 prahrṣṭābhirabhiṣyante tālaśabdaiśca te tadā||19||
 nagaramapi tatkr̥tamutpalakumudākīrṇam|
 taḍāgopavanodyānam trayametadbhaviṣyati||20||
 śaṅkhonāma nṛpastatra mahātejā bhaviṣyati|
 caturdvīrpadhipeśvaraścakraṇavartī mahābalaḥ||21||
 saptaratnasamanvitaścaturaṅgabalādhipaḥ|
 sahasram hi janiṣyante putrāstadāśya bhūpateḥ||22||
 pṛthivīm sāgarāntāñca sa paripālayiṣyati|
 yathādharmadaṇḍeṇa narādhipo hi tadyathā||23||

पृथिवीं सागरान्ताञ्च स परिपालयिष्यति ।

यथाधर्मदण्डेण नराधिपो हि तद्यथा ॥२३॥

चतुर्महानिधिस्तदा शङ्खाख्यस्य च भूपतेः ।

रत्नानां शतकोटीनां राज्ञस्तदा हि लोक्यते ॥२४॥

पिङ्गलश्च कलिङ्गेषु मिथिलायाम् च पाण्डु [कः ।

एलपत्रश्च गान्धारे शंखो वाराणसीपुरे ॥२५॥

चतुर्भिरभिनिधिभिस्स राजा सुसमन्वितः ।

भविष्यति महावीरः शतपुण्यबलोदितः ॥२६॥

ब्राह्मणस्तस्य राज्ञाश्च सुब्रह्मणः पुरोहितः ।

बहुश्रुतश्चतुर्वेदस्तस्योपाध्यायो भविष्यति ॥२७॥

अध्यापको मन्त्रधरः स्मृतिमान् वेदपारगः ।

कैटभे सनिघण्टे च पदव्याकरणे तथा ॥२८॥

तदा ब्रह्मावती नाम तस्य भार्या भविष्यति ।

दर्शनीया प्रासादिका अभिरूपा यशस्विनी ॥२९॥

तुषितेभ्यश्चयवित्वा तु मैत्रेयो ह्यग्रपुग्दलः ।

तस्याः कुक्षौ स नियतं प्रतिसन्धिं ग्रहीष्यति ॥३०॥

दशमासांश्च [निखिलां धारयित्वा महाद्यूतिं ।

सुपुष्पितेस्मिन्नुद्याने मैत्रेयजननी ततः ॥३१॥

न निषण्णा निपत्रा वा स्थिता सा धर्मचारिणी ।

द्रुमस्य शाखामालम्ब्य मैत्रेयं जनयिष्यति ॥३२॥

[निष्क्रमिष्यति पार्श्वेन दक्षिणेन नरोत्तमः ।

अभ्रकूटाद्यथा सूर्यो निर्गतश्च प्रभाव्यते ॥३२॥]

अलिप्तो गर्भपङ्केन कुशेशयमिवाम्बुना ।

त्रैधातुकमिदं सर्वं प्रभया पूरयिष्यति ॥३३॥

प्रीतोऽथ तं सहस्राक्षो देवराजा शचीपतिः ।

जायमानं ग्रहीता च मैत्रेयं द्विपदोत्तमम् ॥३४॥

caturmahānidhistadā śaṅkhākhyasya ca bhūpateḥ|

ratnānāṃ śatakoṭīnāṃ rājñastadā hi lokyate||24||

piṅgalaśca kaliṅgeṣu mithilāyām ca pāṇḍu [kaḥ|

elapatraśca gāndhāre śaṅkho vārāṇasīpure||25||

caturbhirebhinidhibhissa rājā susamanvitaḥ|

bhaviṣyati mahāvīraḥ śatapuṇyabaloditaḥ||26||

brāhmaṇastasya rājñāśca subrahmaṇaḥ purohitaḥ|

bahuśrutaścaturvedastasyopādhyāyo bhaviṣyati||27||

adhyāpako mantradharaḥ smṛtimān vedapāragah|

kaiṭabhe sanighaṅṭe ca padavyākaraṇe tathā||28||

tadā brahmāvātī nāma tasya bhāryā bhaviṣyati|

darśanīyā prāsādikā abhirūpā yaśasvinī||29||

tuṣitebhyaścayavitvā tu maitreyo hyagrapugdalaḥ|

tasyāḥ kuṅṣau sa niyataṃ pratisandhiṃ

grahīṣyati||30||

daśamāsāṃśca] nikhilāṃ dhārayitvā mahādīyūtiṃ|

supuṣpitesminnudyāne maitreyajanānī tataḥ||31||

na niṣaṅṅā nipannā vā sthitā sā dharmacāriṇī|

drumasya śākhāmālamvya maitreyaṃ janayīṣyati||32||

[niṣkramiṣyati pārśvena dakṣiṇena narottamaḥ|

abhṛakūṭādyathā sūryo nirgataśca prabhāvyate||32||

alipto garbhapaṅkena kuśeśayamivāmbunā|

traidhātukamidaṃ sarvaṃ prabhayā pūrayīṣyati||33||

prīto'tha taṃ sahasrākṣo devarājā śacīpatiḥ|

jāyamānaṃ grahītā ca maitreyaṃ

dvipadottamam||34||

padāni jātamātraśca saptāsau prakamiṣyati|

pade pade nidhānaṅca padmaṃ padmaṃ

bhaviṣyati||35||

पदानि जातमात्रश्च सप्तासौ प्रकमिष्यति ।
 पदे पदे निधानञ्च पद्मं पद्मं भविष्यति ॥३५॥
 दिशश्चतस्रश्चोद्दीक्ष्य वाचं प्रव्याहरिष्यति ।
 इयं मे पश्चिमा जाति नास्ति भूयः पुनर्भवः ॥
 न पुनरभा गमिष्यामि निर्वास्यामि निरास्रवः ॥३६॥
 संसारार्णवमग्नानां सत्त्वानां दुःखभागिनां ।
 तृष्णाबन्धनबद्धानां करिष्यामि विमोचनम् ॥३७॥
 श्वेतं चास्य सुराश्छत्रं धारयिष्यन्ति मूर्धनि ।
 शीतोष्णवारिधाराभ्यां नागेन्द्रौ स्नापयिष्यतः ॥३८॥
 प्रतिगृह्य च तं धात्री द्वात्रिंशद्वरलक्षणम् ।
 श्रिया ज्वलन्तं मैत्रेयं मात्रे समुपनेष्यति ॥३९॥
 मनोरमां च शिविकां नानारत्नविभूषितां ।
 आरूढां पुत्रसहितां वहिष्यन्ति च देवता ॥४०॥
 ततस्तूर्य सहस्रेषु वाद्यमानेषु तत्पुरं ।
 प्रविष्टमात्रे मैत्रेये पुष्पवर्षं पतिष्यति ॥४१॥
 दृष्टैवं पुत्रं सुब्रह्मा द्वात्रिंशद्वरलक्षणम् ।
 प्रत्यवीक्षाथ मन्त्रेषु तदा प्रीतो भविष्यति ॥४२॥
 गतिद्वयं कुमारस्य यथा मन्त्रेषु दृश्यते ।
 नराधिपश्चक्रवर्ती बुद्धो वा द्विपदोत्तमः ॥४३॥
 स च यौवनसंप्राप्तो मैत्रेयः पुरुषोत्तमः ।
 चिन्तयिष्यति धर्मात्मा दुःखिता खल्वियं प्रजाः ॥४४॥
 ब्रह्मखरो महाघोषो हेमवर्णो महाद्युतिः ।
 विशालवक्षः पीनांसः पद्मपत्रनिभेक्षणः ॥४५॥
 हस्तः पञ्चाशदुच्छ्राय तस्य कायो भविष्यति ।
 विसृतश्च ततोऽर्द्धेण शुभवर्णसमुच्छ्रयः ॥४६॥
 अशीतिभिश्चतुर्भिश्च सहस्रैः संपुरस्कृतः ।

diśaścatasraścodvīkṣya vācaṃ pravvyāhariṣyati|
 iyaṃ me paścimā jāti nāsti bhūyaḥ punarbhavaḥ||
 na punarabhā gamiṣyāmi nirvāsyāmi nirāsravaḥ||36||
 saṃsārārṇavamagnānāṃ sattvānāṃ duḥkhabhāgināṃ|
 tṛṣṇābandhanabaddhānāṃ kariṣyāmi vimocanam||37||
 śvetaṃ cāsya surāśchatraṃ dhārayiṣyanti mūrdhani|
 śītoṣṇavāridhārābhyāṃ nāgendrau snāpayiṣyataḥ||38||
 pratigrhya ca taṃ dhātrī dvātriṃśadvaralakṣaṇam|
 śriyā jvalantaṃ maitreyaṃ mātre samupaneṣyati||39||
 manoramāṃ ca śivikāṃ nānāratnavibhūṣitāṃ|
 ārūdhāṃ putrasahitāṃ vahiṣyanti ca devatā||40||
 tatastūrya sahasreṣu vādyamāneṣu tatpuraṃ|
 praviṣṭamātre maitreya puṣpavarṣaṃ patiṣyati||41||
 dṛṣṭaivaṃ putraṃ subrahmā
 dvātriṃśadvaralakṣaṇam|
 pratyavīkṣātha mantreṣu tadā prīto bhaviṣyati||42||
 gatidvayaṃ kumārasya yathā mantreṣu dṛśyate|
 narādhipaścakravartī buddho vā dvipadottamaḥ||43||
 sa ca yauvanasaṃprāpto maitreyaḥ puruṣottamaḥ|
 cintayiṣyati dharmātmā duḥkhitā khalviyaṃ
 prajāḥ||44||
 brahmakharo mahāghoṣo hemavarṇo mahādyutiḥ|
 viśālavakṣaḥ pīnāṃsaḥ padmapatranibhekṣaṇaḥ||45||
 hastaḥ pañcāśaducchrāya tasya kāyo bhaviṣyati|
 viṣṭaśca tato'rddheṇa śubhavarṇasaṃucchrayaḥ||46||
 aśītibhiścaturbhiśca sahasraiḥ saṃpuraskṛtaḥ|
 mānavānāṃ sa maitreya mantrānadhyaḥpayiṣyati||47||
 atha śaṃkho narapatiḥ yūpamucchrāpayiṣyati|

मानवानां स मैत्रेयो मन्त्रानध्यापयिष्यति ॥४७॥
 अथ शंखो नरपतिः यूपमुच्छ्रापयिष्यति।
 तिर्यञ्च षोडश-व्यामं ऊर्ध्व व्यामसहस्रकम् ॥४८॥
 स तं यूपं नरपतिर्नारत्नविभूषितं।
 प्रदास्यति द्विजातिभ्यो यज्ञं कृत्वा पुरःसरं ॥४९॥
 तञ्च रत्नमयं यूपं दत्तमात्रं मनोरमं।
 ब्राह्मणाणां सहस्राणि विकिरिष्यन्ति तत्क्षणात् ॥५०॥
 [यूपस्य]तस्य मैत्रेयो दृष्ट्वा चैतामनित्यतां।
 कृतस्रं विचिन्त्य संसारं प्रव्रज्यां रोचयिष्यति ॥५१॥
 यत्त्वहं प्रव्रजित्वेह स्पृशेयममृतं पदं।
 विमोचयेयं जनतां व्याधिमृत्युजराभयात् ॥५२॥
 अशीतिभिः सहस्रैस्स चतुर्भिश्च पुरस्कृतः।
 निष्क्रमिष्यति मैत्रेयः प्रव्रज्यामग्रपुगदलः ॥५३॥
 नागवृक्षस्तदा तस्य बोधिवृक्षो भविष्यति।
 पञ्चाशद्योजनान्यस्य शाखा ऊर्ध्वं समुच्छ्रिताः ॥५४॥
 निषद्य तस्य चाधस्तान्मैत्रेयः पुरुषोत्तमः।
 अनुत्तरां शिवां बोधिं समवाप्स्यति नायकः ॥५५॥
 यस्यामेव च रात्रौ स प्रव्रज्यां निष्क्रमिष्यति।
 तस्यां एव च रात्रौ हि परां बोधिमवाप्स्यति ॥५६॥
 अष्टाङ्गोपेतया वाचा ततः स पुरुषोत्तमः।
 देशयिष्यति सद्धर्मं सर्वदुःखापहं शिवम् ॥५७॥
 प्रसन्नां जनतां दृष्ट्वा सत्यानि कथयिष्यति।
 दुःखं दुःखसमुत्पादं दुःखस्य समतिक्रमं ॥५८॥
 आर्यं चाष्टाङ्गिकं मार्गं क्षेमं निर्वाणगामिनं।
 तं चापि धर्मं संश्रुत्य प्रतिपत्स्यन्ति शासने ॥५९॥
 उद्याने पुष्पसंच्छन्ने सन्निपातो भविष्यति।

tiryāñca ṣoḍaśa-vyāmaṃ ūrddhva
 vyāmasahasrakam||48||
 sa taṃ yūpaṃ narapatirnānāratnavibhūṣitaṃ|
 pradāsyati dvijātibhyo yajñaṃ kṛtvā puraḥsaram||49||
 tañca ratnamayaṃ yūpaṃ dattamātraṃ manoramam|
 brāhmaṇāṅām sahasrāṇi vikiriṣyanti tatkṣaṇāt||50||
 [yūpasya]tasya maitreyo dr̥ṣṭvā caitāmanityatām|
 kṛtasraṃ vicintya saṃsāraṃ pravrajyāṃ
 rocayiṣyati||51||
 yatvahaṃ pravrajitveha spr̥seyamamṛtaṃ padam|
 vimocayeyaṃ janatām vyādhimṛtyujarābhayāt||52||
 aṣṭītibhiḥ sahasraissa caturbhiśca puraskṛtaḥ|
 niṣkramiṣyati maitreyaḥ
 pravrajyāmagrapugdalaḥ||53||
 nāgavṛkṣastadā tasya bodhivṛkṣo bhaviṣyati|
 pañcāśadyojanānyasya śākhā ūrddham
 samucchritāḥ||54||
 niṣadya tasya cādhasṭānmaitreyaḥ puruṣottamaḥ|
 anuttarām śivām bodhim samavāpsyati nāyakaḥ||55||
 yasyāmeva ca rātrau sa pravrajyāṃ niṣkramiṣyati|
 tasyām eva ca rātrau hi parām bodhimavāpsyati||56||
 aṣṭāṅgopetayā vācā tataḥ sa puruṣottamaḥ|
 deśayiṣyati saddharmaṃ sarvaduḥkhāpahaṃ
 śivam||57||
 prasannām janatām dr̥ṣṭvā satyāni kathayiṣyati|
 duḥkhaṃ duḥkhasamutpādaṃ duḥkhasya
 samatikramaṃ||58||
 āryaṃ caṣṭāṅgikaṃ mārgaṃ kṣemaṃ
 nirvāṇagāminaṃ|
 taṃ cāpi dharmaṃ saṃśrutya pratipatsyanti
 śāsane||59||
 udyāne puṣpasamcchanne sannipāto bhaviṣyati|

पूर्णं च योजनशतं पर्षत्तस्य भविष्यति ॥६०॥
 श्रुत्वा नरपति राजा शङ्खो नाम महायशाः।
 दत्त्वा दानमसंख्येयं प्रव्रज्यां निष्क्रमिष्यति ॥६१॥
 अशीतिभिश्चतुर्भिश्च सहस्रैः परिवारितः।
 नराधिपो विनिष्क्रम्य प्रव्रज्यामुपयास्यति ॥६२॥
 अनेनैव प्रमाणेन मानवानां पुरस्कृतः।
 मैत्रेयस्य पिता तत्र प्रव्रज्यां निष्क्रमिष्यति ॥६३॥
 ततो गृहपतिस्तत्र सुधनो नाम विश्रुतः।
 प्रव्रजिष्यति शुद्धात्मा मैत्रेयस्यानुशासने ॥६४॥
 स्त्रीरत्नमथ शङ्खस्य विशाखा नाम विश्रुता।
 अशीतिभिश्चतुर्भिश्च सहस्रैः संपुरष्कृता ॥
 नारीणामभिनिष्क्रम्य प्रव्रज्यां रोचयिष्यति ॥६५॥
 प्राणिनः तत्र समये सहस्राणि शतानि च।
 प्रव्रज्यामुपयास्यन्ति मैत्रेयस्यानुशासने ॥६६॥
 [सुपुष्पितेऽस्मिन्नुद्याने सन्निपातो भविष्यति।
 समन्ततो योजनशतं पर्षत् तस्य भविष्यति ॥६७॥]
 ततः कारुणिकः शास्ता मैत्रेयः पुरुषोत्तमः।
 समितिं व्यवलोक्याथ इममर्थं प्रवक्ष्यति ॥६८॥
 सर्वेते शाक्यसिंहेन गुणिश्रेष्ठेण त्रायिना।
 अर्थतो लोकनाथेन दृष्ट्वा सद्धर्मधातुना।
 रोपिता मोक्षमार्गेण विक्षिप्ता मम शासने ॥६९॥
 छत्रध्वजपताकाभिर्गन्धमाल्यविलेपनैः।
 कृत्वा स्तूपेषु सत्कारं आगता हि ममान्तिकम् ॥७०॥
 संघे दत्त्वा च दानानि चीवरं पानभोजनं।
 विविधं ग्लानभैषज्यं आगता हि ममान्तिकम् ॥७१॥
 कुंकुमोदकसेकं च चन्दनेनानुलेपनं।

pūrṇaṃ ca yojanaśataṃ parṣattasya bhaviṣyati||60||
 śrutvā narapati rājā śaṅkho nāma mahāyaśāḥ|
 datvā dānamasamkhyeyaṃ pravrajyāṃ
 niṣkramiṣyati||61||
 aśītibhiścaturbhiśca sahasraiḥ parivāritaḥ|
 narādhipo viniṣkranya pravrajyāmupayāsyati||62||
 anenaiva pramāṇena mānavānāṃ puraskṛtaḥ|
 maitreyasya pitā tatra pravrajyāṃ niṣkramiṣyati||63||
 tato gṛhapatistatra sudhano nāma viśrutaḥ|
 pravrajiṣyati śuddhātmā maitreyasyānuśāsane||64||
 strīratnamatha śaṅkhasya viśākhā nāma viśrutā|
 aśītibhiścaturbhiśca sahasraiḥ sampuraṣkṛtā||
 nārīṇāmabhiniṣkranya pravrajyāṃ rocayiṣyati||65||
 prāṇinaḥ tatra samaye sahasrāṇi śatāni ca|
 pravrajyāmupayāsyanti maitreyasyānuśāsane||66||
 [supuṣpīte'sminnudyāne sannipāto bhaviṣyati|
 samantato yojanaśataṃ parṣat tasya bhaviṣyati||67||]
 tataḥ kāruṇikaḥ śāstā maitreyaḥ puruṣottamaḥ|
 samitiṃ vyavalokyātha imamarthaṃ
 pravakṣayati||68||
 sarvete śākyasiṃhena guṇiśreṣṭhena trāyina|
 arthato lokanāthena dṛṣṭvā saddharmadhātunā|
 ropitā mokṣamārgēṇa vikṣiptā mama śāsane||69||
 chatradhvajapatākābhīrgandhamālyavilepanaiḥ|
 kṛtvā stūpeṣu satkāraṃ āgatā hi mamāntikam||70||
 saṅghe datvā ca dānāni cīvaraṃ pānabhojanaṃ|
 vividhaṃ glānabhaiṣajyaṃ āgatā hi mamāntikam||71||
 kuṅkumodakasekaṃ ca candanenānulepanaṃ|
 datvā śākyamuneḥ stūpeṣvāgatā hi mamāntikam||72||

दत्त्वा शाक्यमुनेः स्तूपेष्वगाता हि ममान्तिकम् ॥७२॥

शिक्षापदानि चाधाय शाक्यसिंहस्य शासने ।

परिपालय यथाभूतं आगता हि ममान्तिकम् ॥७३॥

उपोषधं उपोष्येह आर्यमष्टाङ्गिकं शुभं ।

चतुर्दशीं पञ्चदशीं पक्षस्येहाष्टमीं तथा ।

प्रातिहारिकपक्षं चाष्यष्टाङ्गं सुसमाहितं ॥७४॥

[शीलानि च समादाय संप्राप्तानि च शासनम् ।

बुद्धं धर्मं च संघं च सत्त्वास्ते शासनं गताः ॥

कृत्वा च कुशलं कर्म मच्छासनमुपागताः ॥७५॥

तेनैते प्रेषिताः सत्त्वा प्रतिष्ठाश्च मयाप्यमी ।

गणिश्रेष्ठेण मुनिना परीता भूरिमेधसा ॥७६॥

प्रसन्नां जनतां दृष्ट्वा सत्यानि कथयिष्यति ।

श्रुत्वा च ते ततो धर्मं प्राप्स्यन्ति पदमुत्तमम् ॥७७॥

प्रातिहार्यत्रयेणासौ श्रावकान्विनयिष्यति ।

सर्वेते आस्रवास्तत्र क्षिपयिष्यन्ति सुरताः ॥७८॥

प्रथमः सन्निपातोस्य श्रावकाणां भविष्यति ।

पूर्णाः षण्णवतिकोट्यः श्रावकाणां भवच्छिदां ॥७९॥

द्वितीयः सन्निपातोस्य श्रावकाणां भविष्यति ।

पूर्णाश्चतुर्नवति कोट्यः शान्तानां भूरिमेधसां ॥८०॥

तृतीयः सन्निपातोस्य श्रावकाणां भविष्यति ।

पूर्णाः द्वाविंशति कोट्यः शान्तानां शान्तचेतसां ॥८१॥

धर्मचक्रं प्रवर्त्याथ विनीय सुरमानुषान् ।

सार्धं श्रावकसंघेण पुरे पिण्डं चरिष्यति ॥८२॥

ततः प्रविशतस्तस्यां रम्यां केतुमतीं पुरीं ।

मान्दारकाणि पुष्पाणि पतिष्यन्ति पुरोत्तमे ॥

देवताः प्रकिरिष्यन्ति तस्मिन् पुरगते मुनौ ॥८३॥

śikṣāpadāni cādhāya śākyasiṃhasya śāsane |

paripālaya yathābhūtaṃ āgatā hi mamāntikam ||73||

upoṣadhaṃ upoṣyeha āryamaṣṭāṅgikaṃ śubhaṃ |

caturdaśiṃ pañcadaśiṃ pakṣasyehāṣṭamīṃ tathā |

prātihārikapakṣaṃ cāṣyaṣṭāṅgaṃ susamāhitam ||74||

[śīlāni ca samādāya saṃprāptāni ca śāsanam |

buddhaṃ dharmeṃ ca saṅghaṃ ca sattvāste śāsanam
gatāḥ |

kṛtvā ca kuśalaṃ karma macchāsanamupāgatāḥ ||75||

tenaite preṣitāḥ sattvā pratiṣṭāśca mayāpyamī |

gaṇiśreṣṭheṇa muninā paritā bhūrimedhasā ||76||

prasannāṃ janatāṃ dṛṣṭvā satyāni kathayiṣyati |

śrutvā ca te tato dharmam prāpsyanti
padamuttamam ||77||

prātihāryatrayeṇāsau śrāvakānvinayiṣyati |

sarvete āsṛavāstatra kṣipayiṣyanti suratāḥ ||78||

prathamaḥ sannipātosya śrāvakāṇām bhaviṣyati |

pūrṇāḥ ṣaṇṇavatikotyāḥ śrāvakāṇām
bhavacchidāṃ ||79||

dvitīyāḥ sannipātosya śrāvakāṇām bhaviṣyati |

pūrṇāścaturnavati kotyāḥ śāntānām
bhūrimedhasām ||80||

trītiyāḥ sannipātosya śrāvakāṇām bhaviṣyati |

pūrṇāḥ dvāviṃśati kotyāḥ śāntānām
śāntacetāsām ||81||

dharmacakraṃ pravartyātha vinīya suramānuṣān |

sārdhaṃ śrāvakasamgheṇa pure piṇḍam cariṣyati ||82||

tataḥ praviśatastasyāṃ ramyāṃ ketumatīṃ purīm |

māndārakāṇi puṣpāni patiṣyanti purottame |

devatāḥ prakiriṣyanti tasmin puragate munau ||83||

चत्वारश्च महाराजा शक्रश्च त्रिदशाधिपः।

ब्रह्मा देवगणैः सार्धं पूजां तस्य करिष्यति ॥८४॥

उत्पलं कुमुदं पद्मं पुण्डरीकं सुगन्धिकं।

अगुरुं चन्दनं चापि दिव्यं माल्यं पतिष्यति ॥८५॥

चैलक्षेपं करिष्यन्ति देवपुत्रा महर्द्धिकाः।

तं लोकनाथमुद्धीक्ष्य प्रविशन्तं पुरोत्तमम् ॥८६॥

[दिव्यश्च तूर्यनिर्घोषो दिव्यं माल्यं पतिष्यति।

देवता प्रकिरिष्यन्ति तस्मिन् पुरगते मुनौ ॥८७॥

ये तु केतुमतीं केचित् वासयिष्यन्ति मानुषाः।

तेपि तं पूजयिष्यन्ति प्रविशन्तं पुरोत्तमम् ॥८८॥

पथि भूम्यास्तरं तत्र मृदुतूलपिचोपमम्।

विचित्रञ्च शुभं माल्यं विकिरिष्यन्ति ते तदा ॥८९॥

छत्रध्वजपताकभिरर्चयिष्यन्ति मानुषाः।

शुभैश्च तूर्यनिर्घोषैः प्रसन्नमनसो नराः ॥९०॥

तं च शक्रः सहस्राक्षो देवराजः शचीपतिः।

प्रहृष्टः प्राञ्जलिर्भूत्वा मैत्रेयं स्तोष्यते जिनम् ॥९१॥

नमस्ते पुरुषाजन्य नमस्ते पुरुषोत्तम।

अनुकम्पस्व जनतां भगवन्नगपुग्दल ॥९२॥

महर्द्धिको देवपुत्रस्तस्य मारो भविष्यति।

स चापि प्राञ्जलिर्भूत्वा स्तोष्यते लोकनायकम् ॥९३॥

[शुद्धावास सहस्रैश्च बहुभिः परिवारितः।

प्रवेक्ष्यते च मैत्रेयो लोकनाथो विनायकः ॥९४॥

ब्राह्मण-परिवारेण ब्रह्मा चापि गिरास्फुटम्।

कथयिष्यति सद्धर्मं ब्राह्मं घोषमुदीरयन् ॥९५॥

आकीर्णां पृथिवीं सर्वां अर्हद्भिश्च भविष्यति।

क्षीणाश्रवै-र्वान्तदोषैः प्रहीणभवबन्धनैः ॥९६॥

catvāraśca mahārājā śakraśca tridaśādhipaḥ|

brahmā devagaṇaiḥ sārddham pūjām tasya
kariṣyati||84||

utpalaṃ kumudaṃ padmaṃ puṇḍarīkaṃ
sugandhikaṃ|

aguruṃ candanaṃ cāpi divyaṃ mālyaṃ patiṣyati||85||

cailakṣepaṃ kariṣyanti devaputrā maharddhikāḥ|

taṃ lokanāthamudvīkṣya praviśantaṃ
purottamaṃ||86||

[divyaśca tūryanirghoṣo divyaṃ mālyaṃ patiṣyati|

devatā prakiriṣyanti tasmin puragate munau||87||

ye tu ketumatīm kecit vāsayāsyanti mānuṣāḥ|

tepi taṃ pūjayiṣyanti praviśantaṃ purottamaṃ||88||

pathi bhūmyāstaraṃ tatra mṛdutūlapicopamaṃ|

vicitrañca śubhaṃ mālyaṃ vikiriṣyanti te tadā||89||

chatradhvajapatākabhirarcayiṣyanti mānuṣāḥ|

śubhaiśca tūryanirghoṣaiḥ prasannamanaso
narāḥ||90||

taṃ ca śakraḥ sahasrākṣo devarājaḥ śacīpatiḥ|

pahrṣṭaḥ prāñjalirbhūtvā maitreyaṃ stoṣyate
jinam||91||

namaste puruṣājanya namaste puruṣottama|

anukampasva janatām bhagavannagrapugdala||92||

maharddhiko devaputrastasya māro bhaviṣyati|

sa cāpi prāñjalirbhūtvā stoṣyate lokanāyakam||93||

[śuddhāvāsa sahasraiśca bahubhiḥ parivāritaḥ|

pravekṣyate ca maitreyo lokanātho vināyakaḥ||94||

brāhmaṇa-parivāreṇa brahmā cāpi girāspḥuṭam|

kathayiṣyati saddharmaṃ brāhmaṇam
ghoṣamudīrayan||95||

ākīrṇā pṛthivī sarvā arhadbhiśca bhaviṣyati|

हृष्टा देवमनुष्याश्च गन्धर्वा यक्षराक्षसाः।

शास्तुः पूजां करिष्यन्ति नागाश्चापि महर्द्धिकाः॥९७॥

ते वै नूनं भविष्यन्ति च्यानघाच्छिन्नसंशयाः।

[उत्क्षिप्तपरिखाः धीरा अनादाना निरुत्सकाः॥]

ब्रह्मचर्यञ्चरिष्यन्ति मैत्रेयस्यानुशासने॥९८॥

तेऽपि नूनं भविष्यन्ति अममा अपरिग्रहाः।

अजातरूपरजता अनिकेता असंस्तवाः॥

ब्रह्मचर्यञ्चरिष्यन्ति ये मैत्रेयानुशासने॥९९॥

ते वै पारं गमिष्यन्ति छित्वा जालमेव भुजात्।

ध्यानानि चोपसंपद्य प्रीतिसौख्यसमन्विताः।

ब्रह्मचर्यञ्चरिष्यन्ति मैत्रेयस्यानुशासने॥१००॥

षष्ठिं वर्षं सहस्राणि मैत्रेयो द्विपदोत्तमः।

देशयिष्यति सद्धर्मं शास्ता लोकानुकम्पया॥१०१॥

शतानि च सहस्राणि प्राणिणां स विनायकः।

विनीय धर्मकायेन ततो निर्वाणमेष्यति॥१०२॥

तस्मिंश्च निर्वृते धीरे मैत्रेये द्विपदोत्तमे।

दशवर्षसहस्राणि सद्धर्मं स्थास्यति क्षितौ॥१०३॥

प्रसादयति चित्तानि तस्माच्छाक्यमुनौ जिने।

ततोदृक्षथ मैत्रेयं संबुद्धं द्विपदोत्तमम्॥१०४॥

[तस्माद्धर्मे च बुद्धे च संघे चापि गणोत्तमे।

प्रसादयति चित्तानि भविष्यति महर्द्धिकं॥१०५॥

तं तादृशं कारुणिकं मैत्रेयं द्विपदोत्तमं।

आराधयित्वा कालेन ततो निर्वाणमेष्यथ॥१०६॥]

इदमाश्चर्यकं श्रुत्वा दृष्ट्वा च विभवानल्पिकां।

को विद्वान्न प्रसीदेत अपि कृष्णासु जातिषु॥१०७॥

तस्मादिहात्मकामेन माहात्मयमभिकांक्षताः।

kṣīṇāśravai-rvāntadoṣaiḥ
prahīṇabhavabandhanaiḥ॥96॥

hr̥ṣṭā devamanuṣyāśca gandharvā yakṣarākṣasāḥ|
śāstuḥ pūjāṃ kariṣyanti nāgāścāpi maharddhikāḥ॥97॥

te vai nūnaṃ bhaviṣyanti cyānaghācchinnasamśayāḥ|
[utkṣiptaparikhāḥ dhīrā anādānā nirutsakāḥ॥]

brahmacaryañcariṣyanti maitreyasyānuśāsane॥98॥

te'pi nūnaṃ bhaviṣyanti amamā aparigrahāḥ|

ajātarūparajatā aniketā asamstavāḥ॥

brahmacaryañcariṣyanti ye maitreyānuśāsane॥99॥

te vai pāraṃ gamiṣyanti chitvā jālameva bhujāt|

dhyānāni copasampadya prītisaukhyasamanvitāḥ|

brahmacaryañcariṣyanti maitreyasyānuśāsane॥100॥

ṣaṣṭhiṃ varṣa sahasrāṇi maitreyo dvipadottamaḥ|

deśayiṣyati saddharmaṃ śāstā lokānukampayā॥101॥

śatāni ca sahasrāṇi prāṇiṇāṃ sa vināyakaḥ|

vinīya dharmakāyena tato nirvāṇameṣyati॥102॥

tasmim̐śca nirvṛte dhīre maitreye dvipadottame|

daśavarṣasahasrāṇi saddharmaṃ sthāsyati
kṣitau॥103॥

prasādayati cittāni tasmācchākyamunau jine|

tato dṛkṣatha maitreyaṃ sambuddhaṃ
dvipadottamam॥104॥

[tasmāddharme ca buddhe ca saṃghe cāpi gaṇottame|

prasādayati cittāni bhaviṣyati maharddhikaṃ॥105॥

taṃ tādr̥śaṃ kāruṇikaṃ maitreyaṃ dvipadottamam|

ārādhayitvā kālena tato nirvāṇameṣyatha॥106॥]

idamāścaryakaṃ śrutvā dṛṣtvā ca vibhavānalpikāṃ|

ko vidvāna prasīdeta api kṛṣṇāsu jātiṣu॥107॥

<p>सद्धर्मो गुरुकर्तव्यः स्मरता बुद्धशासनम् ॥१०८॥</p> <p>॥मैत्रेय-व्याकरणं समाप्तं॥</p>	<p>tasmādhātmakāmena mādātmayamabhikāṃkṣatāḥ </p> <p>saddharmo gurukartavyaḥ smaratā buddhaśāsanam 108 </p> <p> ṃaitreya-vyākaraṇaṃ samāptaṃ </p>
---	--